

Phụ lục 1
MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA
CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON,
GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG THCS ĐOÀN LẬP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học: 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên đơn vị: Trường THCS Đoàn Lập

Thuộc: Huyện Tiên Lãng

Địa điểm: Trường THCS Đoàn Lập đóng trên địa bàn thôn Đông Xuyên Nội, xã Đoàn Lập, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; điện thoại 0225.883.435.

Quá trình thành lập:

Trường được thành lập vào năm 1962 tại thôn Đông Xuyên nội, xã Đoàn Lập và mang tên “Trường Phổ thông cơ sở Đoàn Lập” để đón nhận trẻ em trong độ tuổi học cấp 1, 2 tại địa bàn xã Đoàn Lập. Từ năm học 1988-1989 được đổi tên thành trường Phổ thông cấp II Đoàn Lập theo Quyết định 843/QĐ-UB ngày 01/9/1988 của UBND Huyện Tiên Lãng.

Khi mới thành lập, cơ sở vật chất hết sức nghèo nàn; nhưng được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương, của ngành giáo dục và Đào tạo và sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ các thầy giáo, cô giáo, của phụ huynh học sinh, cơ sở vật chất trang thiết bị của nhà trường từng bước được đầu tư, nâng cấp, chất lượng giáo dục của nhà trường cũng không ngừng được nâng lên, xứng đáng với niềm tin, lòng mong đợi của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 30 (biên chế: 28, hợp đồng: 02)

Chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên: Thạc sĩ: 01, Đại học: 24, Cao đẳng: 04, Trung cấp: 01.

Chi bộ đảng: 20 đảng viên

Các tổ chuyên môn, văn phòng: 03 tổ, gồm có tổ Khoa học Tự nhiên, tổ Khoa học Xã hội, tổ Văn phòng).

**Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường
THCS Đoàn Lập, năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	30		1	24	4	1		4	22	1				
	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	24			21	3			3	21					
I															
1	Toán	4.8													
2	Lý	0.9				0.3									
3	Hóa	1.0													
4	Sinh	1.3				0.3									
5	Tin	0.6													
6	Công nghệ	1.7				0.7									
7	Thể dục	1.7				0.7									
8	Văn	4.8													
9	Sử	0.6				0.3									
10	Địa	1.2													
11	GDCD	0.7													
12	Tiếng Anh	3													
13	Âm nhạc	0.7				0.7									
14	Mỹ thuật	0.7													
15	Tổng phụ trách	0.3													
II	Cán bộ quản lý	2		1	1					1	1				
1	Hiệu trưởng	1		1							1				
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1					
III	Nhân viên	4			2	1	1								
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1				1									
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	Lao Công - Bảo vệ	1					1								

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Tổng diện tích khuôn viên: 5.400 m²

Trường gồm có 3 khu nhà 2 tầng.

Số phòng học: 15/15 (Phòng học đạt tiêu chuẩn về diện tích và ánh sáng, thoáng, mát. Mỗi phòng đều có đầy đủ bàn ghế giáo viên và học sinh, 4 quạt trần, bảng từ, hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo tiêu chuẩn, được bảo dưỡng thường xuyên, giá để cốc, ti-vi).

Số phòng học bộ môn: 01 phòng (Tin học)

Số phòng học hỗ trợ học tập: 04 phòng (01 thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng truyền thống, 01 phòng đoàn đội)

Khối phụ trợ: 01 phòng (01 phòng họp)

Khối Hành chính quản trị: 04 phòng (01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng hiệu phó, 01 phòng văn phòng, 01 phòng bảo vệ).

Số khu vệ sinh: 02 khu (01 khu vệ sinh có riêng các phòng nam/nữ cho HS và 01 khu vệ sinh có riêng các phòng nam/nữ cho GV)

Về trang thiết bị:

- Bảng tương tác đa năng: 02 chiếc
- Hệ thống âm thanh: 02 bộ sân trường, 01 bộ phòng họp
- Ti-vi: 15 máy/15 lớp học, các phòng bộ môn và các phòng phục vụ học tập.
- Máy tính phục vụ cho CB-GV-NV: 05 máy
- Máy tính phục vụ cho học sinh: 45 máy
- Đàn ooc-gan: 01 cái cho GV
- Máy in: 04 chiếc

Thông tin cơ sở vật chất của trường THCS Đoàn Lập, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	15	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	15	1,35
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	2	1,5
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
8	Bình quân học sinh/lớp	39	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	5400	10.05
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1000	2.1
VI	Tổng diện tích các phòng	1112	
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	48	
3	Diện tích thư viện (m ²)	48	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội (m ²)	27	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		Số bộ/lớp
1.1	Khối lớp 6	2	20
1.2	Khối lớp 7	1	10
1.3	Khối lớp 8	2	12
1.4	Khối lớp 9	2	17
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
p4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập Phòng chức năng Tin học (Đơn vị tính: bộ)	45	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	15	
2	Cát xét/Âm ly		
3	Loa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác (máy tính văn phòng)		
6	Thiết bị khác (máy tính tại các phòng học)		
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	10	10/13
2	Cát xét/Âm ly	2	
3	Loa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	3/13
5	Thiết bị khác (máy tính văn phòng)	5	
..	Thiết bị khác (máy tính tại các phòng học)		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
--	----------	----------------------------

X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh *	1	0	2	0	0,21/0,21
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0		

(*). Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trong thời gian qua, BGH và toàn thể CBGVNV trường THCS Đoàn Lập rất coi trọng công tác Kiểm định chất lượng giáo dục. Nhà trường đã thành lập Hội đồng TĐG với nhiều tổ nhóm khác nhau để thực hiện đầy đủ các quy trình đánh giá. Qua quá trình thực hiện TĐG chất lượng theo bộ tiêu chuẩn chung của Bộ GDĐT, nhà trường đã thấy rõ những mặt đã đạt được, những mặt chưa đạt được. Từ đó, đề ra biện pháp khắc phục, cải tiến chất lượng nhằm đáp ứng được mục tiêu phát triển của GD trong thời đại mới. Đặc biệt sau quá trình TĐG, nhà trường sẽ rút kinh nghiệm, tiếp tục đưa các hoạt động đi vào nền nếp, đồng bộ và khoa học, quyết tâm nâng cao chất lượng GD toàn diện.

Sau khi tập hợp kết quả đánh giá của các nhóm, kiểm tra các minh chứng và sửa đổi sau khi được tập thể góp ý, bổ sung, Hội đồng TĐG thống nhất TĐG như sau:

- Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 23/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 82,1%;

+ Số lượng tiêu chí không đạt 5/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 17,9%;

- Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 23/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 82,1%;

+ Số lượng tiêu chí không đạt 5/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 17,9%;

- Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 23/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 82,1%;

+ Số lượng tiêu chí không đạt 5/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 17,9%;

- Mức 4: Không đạt

- Mức đánh giá của trường: Không đạt;

Căn cứ vào cấp độ kết quả kiểm định chất lượng giáo dục theo điều 31 Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông ban hành theo Thông tư 18 ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT, nhà trường chưa đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả hoạt động dạy-học

a. Về hoạt động dạy của GV:

Hồ sơ giảng dạy của giáo viên và tổ nhóm chuyên môn: đầy đủ, đúng quy định.

Mỗi nhóm bộ môn trong mỗi tháng, lựa chọn xác định một chủ điểm để sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề với sự tham gia của tất cả giáo viên, có trao đổi thảo luận. Nội dung sinh hoạt nhóm đã được ghi chép tổng kết thành văn bản, lưu trữ trong hồ sơ chuyên môn của nhóm, gộp lại thành hồ sơ chuyên môn của tổ, nhóm.

Soạn bài, chuẩn bị bài: Giáo viên soạn bài, chuẩn bị bài đầy đủ, chi tiết, đúng qui định, đúng định hướng đổi mới chú ý theo định hướng phát triển năng lực học sinh, có giảm tải, cập nhật kịp thời hướng dẫn của cấp trên, được nộp đúng hạn và có chữ kí của tổ trưởng hoặc tổ phó chuyên môn.

Thực hiện các qui định về thực hành, thí nghiệm: Giáo viên dạy các bộ môn có giờ thực hành, thí nghiệm thực hiện đúng quy định: lên lớp có đầy đủ đồ dùng dạy học, dụng cụ thí nghiệm; sử dụng đồ dùng hiệu quả, đảm bảo an toàn cho học sinh trong các giờ thí nghiệm.

Thực hiện qui định về kiểm tra, vào điểm, đánh giá xếp loại học sinh: nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra và được thực hiện theo đúng quy định:

- Đối với các lớp 6, 7, 8: Thực hiện theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá HS THCS và HS THPT; Công văn số 1496/ BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022 - 2023.

- Đối với lớp 9: Tiếp tục thực hiện việc đánh giá, xếp loại HS THCS theo quy định

tại Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011, Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT; lưu ý sử dụng định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh dành cho HS phổ thông theo Công văn số 5333/BGDĐT-GDTrH ngày 29/9/2014, Công văn số 3333/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2016 của Bộ GDĐT. Nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Không kiểm tra, đánh giá những nội dung, bài tập, câu hỏi vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng của Chương trình GDPT hiện hành theo Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ GDĐT.

- Đối với môn Ngữ văn, thực hiện tốt yêu cầu đổi mới theo hướng dẫn tại Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

- Nâng cao chất lượng các bài kiểm tra thường xuyên, định kì, kiểm tra học kì cả lý thuyết và thực hành. Giáo viên chủ động kết hợp hợp lý, phù hợp giữa kiểm tra bằng hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan. Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng ma trận đề kiểm tra cho mỗi chương và cả chương trình môn học. Chú ý tới sự tiến bộ của học sinh sau mỗi kỳ, mỗi năm học.

- Thực hiện biên soạn đề theo hướng tăng cường khả năng thông hiểu và vận dụng, đảm bảo mức độ nhận biết.

- Nhà trường có đủ hồ sơ quản lý, theo dõi đánh giá học sinh: Sổ điểm, học bạ, lưu bài kiểm tra. Quản lý điểm học sinh bằng phần mềm CSDL theo đúng quy định, quản lý chặt chẽ tài khoản quản trị/giáo viên, đảm bảo an toàn cao.

Giáo viên thực hiện nội dung và phương pháp giáo dục theo đúng qui định. Nhìn chung Giáo viên của trường có trình độ nghiệp vụ sư phạm tốt, nắm vững yêu cầu của bài giảng, quan tâm việc đổi mới dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, thường xuyên dự giờ đồng nghiệp.

Giáo viên đã tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng đổi mới nội dung dạy học theo chủ đề, tích hợp liên môn; đổi mới phương pháp, kiểm tra đánh giá (nhận xét) học sinh theo định hướng phát triển năng lực; sử dụng hiệu quả đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học, phần mềm giáo dục trong giảng dạy

Trong giờ lên lớp, giáo viên đã thiết kế các hoạt động dạy và học phù hợp, xây dựng hệ thống câu hỏi phù hợp với các đối tượng, bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học của học sinh.

Giáo viên thực hiện tốt việc tổ chức dạy học phân hóa theo năng lực học sinh; sắp xếp hợp lý các hoạt động của giáo viên và học sinh, khắc phục lối học đọc-chép, nhìn-chép. Chú trọng tổ chức học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm hợp lý; rèn luyện kỹ năng tự học, tạo điều kiện cho học sinh tự nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu tham khảo, phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh. Chú trọng đến vận dụng các phương

pháp dạy học hiện đại trong các giờ dạy.

Mỗi giáo viên đều đăng ký một chủ điểm đổi mới dạy học cho mỗi môn dạy của mình, xây dựng kế hoạch, qui trình triển khai, có phân tích, tổng kết đánh giá hiệu quả. Kết quả phong trào tham gia các Hội thi giáo viên dạy giỏi/giáo viên chủ nhiệm giỏi đã thể hiện rõ việc đổi mới phương pháp dạy học từ kết quả Hội thi cấp trường đến cấp Huyện/Thành phố

+ Số tiết dạy có dự giờ, kết hợp đánh giá xếp loại hồ sơ, giáo án (*kiểm tra giáo viên*):

Tổng hợp kết quả đánh giá	Kết quả xếp loại (về số lượng và tỷ lệ %)							
	Tốt		Khá		Đạt yêu cầu		Chưa đạt	
	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
	21	87,5	3	12,5	0	0	0	0

Tham gia các Hội thi GVG, GVCNG, viết sáng kiến:

Tiêu chí	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Số GV giỏi, GVCN giỏi	12 (GVG)	4 (GVCNG)
Số sáng kiến được công nhận cấp huyện	5	7

b. Về hoạt động học tập và rèn luyện:

Thực hiện đầy đủ các chủ đề quy định của mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGD NGLL ở khối lớp 9, thực hiện giảng dạy Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 03 tiết/tuần đối với khối lớp 6, 7, 8; đối với các chủ đề giáo dục đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hiệp Quốc vào HĐNGLL ở lớp 9; tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào " Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" tích hợp vào HĐGD NGLL. Thực hiện tốt chương trình giáo dục tuyên truyền về thực hiện tốt an toàn giao thông, yêu cầu học sinh đi xe đạp điện phải đủ tuổi và ngồi sau xe đạp điện, xe máy 100% phải đội mũ bảo hiểm đạt chuẩn. Phối hợp giáo dục học sinh phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo lực học đường.

Triển khai tốt tuần sinh hoạt tập thể đầu năm học: cho học sinh học nội quy, quy định về nề nếp của trường, có cam kết thực hiện giữa GVCN - HS - CMHS. Giới thiệu về lịch sử nhà trường; Triển khai các hoạt động giáo dục theo chương trình khung của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.

Mỗi giáo viên của trường luôn tự gương mẫu rèn luyện, khắc phục khó khăn, nghiêm túc thực hiện nề nếp, quy chế chuyên môn: Đổi mới nội dung, hình thức giờ sinh hoạt lớp, sinh hoạt khối chủ nhiệm, sinh hoạt dưới cờ, nội dung các hoạt động ngoài giờ lên lớp, tổ chức chuyên đề Khối chủ nhiệm.

Trường đã phối hợp với công an xã tổ chức tuyên truyền về thực hiện An toàn giao thông, phòng chống các tệ nạn xã hội và tổ chức ký cam kết thực hiện giữa Nhà trường - Công an - Cha mẹ học sinh - Học sinh.

Ngay từ đầu học kì I, trường đã thành lập đội xung kích an ninh chi đoàn giáo viên,

đội sao đỏ nhằm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nề nếp, giải tỏa ùn tắc giao thông trước cổng trường trước và sau giờ tan học, đảm bảo học sinh đội mũ bảo hiểm đạt chuẩn khi tham gia giao thông bằng xe máy hoặc xe đạp điện.

Làm tốt công tác giáo dục về ý thức tiết kiệm, khơi dậy và phát huy truyền thống đạo lý, đoàn kết dân tộc, tương thân tương ái, giúp đỡ bạn nghèo, người tàn tật. Hưởng ứng nhiệt tình phong trào đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, thường xuyên chăm sóc các di tích lịch sử, chăm sóc Tượng đài các anh hùng liệt sĩ xã Đoàn Lập. Tham gia học tập chuyên đề “Em yêu Lịch sử - văn hóa lịch sử” tham gia sinh hoạt dưới cờ.

Hoạt động thư viện tốt, duy trì thường xuyên, có hiệu quả. Giới thiệu sách 01 lần/tháng, tổ chức thành công Ngày Hội sách.

Thực hiện đúng và nghiêm túc chương trình hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông. Xây dựng Kế hoạch hướng nghiệp với những nội dung và chương trình tổ chức thực hiện cụ thể theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức tốt việc thực hiện chương trình Giáo dục hướng nghiệp và môn Công nghệ lớp 9.

** Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu:*

Nhà trường đã tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi từ tháng 8 các năm học theo hình thức Câu lạc bộ năng khiếu

Hoạt động văn thể mỹ: Trong phong trào văn nghệ, trường nhiều năm được đánh giá là trường có phong trào văn hóa văn nghệ xuất sắc. Tham gia tích cực các hội diễn văn nghệ của các cấp, ngành

Thể dục thể thao: Mặc dù điều kiện sân bãi khó khăn nhưng nhà trường đã cố gắng khắc phục để học sinh có điều kiện luyện tập và đã đạt được nhiều thành tích đáng kể trong khuôn khổ Hội khỏe Phù đồng các cấp

Thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I.1	Số học sinh chia theo kết quả hạnh kiểm <i>(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)</i>	127				127
1	Tốt <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	127				127
2	Khá <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	100,0				100,0
3	Trung bình <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>					
4	Yếu <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>					
I.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện <i>(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT)</i>	431	172	123	136	

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	ngày 20/7/2021)					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	411 73,66	167 97,09	119 96,75	125 91,91	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	20 3,58	5 2,91	4 3,25	11 8,09	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
II.1	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	127				127
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	41 32,28				41 32,28
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	49 38,58				49 38,58
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	37 29,13				37 29,13
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
II.2	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	431	172	123	136	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	112 25,99	43 25,0	32 26,02	37 27,21	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	176 40,84	79 45,93	57 46,34	40 29,41	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	133 30,86	46 26,74	33 26,83	54 39,71	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	10 2,32	4 2,33	1 0,81	5 3,68	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	558	172	123	136	127
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		168 97,67	122 99,19	131 96,32	127 100,0
1.1	áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	41 32,28				41 32,28
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	49 38,58				49 38,58
1.2	(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT					

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	<i>ngày 20/7/2021)</i>					
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	5 1,16	1 0,58	1 0,81	3 2,21	
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	107 24,83	42 24,42	31 25,2	34 25,0	
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	10 2,32	4 2,33	1 0,81	5 3,68	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,0	0 0,0	0 0,0	0 0,0	0 0,0
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	12 2,15	2 1,16	4 3,25	5 3,68	1 0,79
5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	4 0,72	1 0,58	1 0,81	0 0,0	2 1,57
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp Huyện	221	31	22	89	79
2	Cấp Thành phố	28	3	2	10	13
3	Quốc gia, khu vực, quốc tế	15	3	0	5	7
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	128				128
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	128				128
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	41 32,03				41 32,03
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	49 38,28				49 38,28
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	38 29,69				38 29,69
VII	Số học sinh thi đỗ THPT Công lập (dự kiến) (tỷ lệ so với tổng số)	105 100,0				105 100,0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	282/276	87/85	67/56	69/67	59/68
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số					

* Có 10 HS phải đánh giá lại trong hè. Kết quả sau đánh giá lại: Đạt: 08 học sinh, chưa đạt: 02 học sinh

2. Công tác y tế, an ninh, an toàn trường học

Nhà trường có phòng y tế chăm sóc sức khỏe cho học sinh. Phối hợp tổ chức khám sức khỏe tổng quát cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Tại các đợt

kiểm tra về vệ sinh y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được cấp trên xếp loại tốt. Công tác Y tế - Chữ thập đỏ của trường từ năm học 2022-2023 đến nay đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhà trường đã tổ chức/xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, về cơ bản không có hiện tượng bạo lực học đường nghiêm trọng, đảm bảo an ninh, an toàn trường học.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU	8.312	6.435
1	Từ Ngân sách nhà nước cấp	6.073	4.598
a	Chi thường xuyên	5.566	4.454
b	Không Thường xuyên	507	144
2	Thu học phí	302	297
3	Thu hoạt động sản xuất kinh doanh	1.481	1.242
4	Thu hộ, chi hộ	456	298
B	TỔNG CHI	8.312	6.435
1	Từ ngân sách cấp	6.073	4.598
1.1	Chi thường xuyên	5.566	4.454
a	Chi tiền lương, tiền công	4.966	3.618
b	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ	479	592
c	Chi phí hao mòn TSCĐ		85
d	Chi hoạt động khác	121	159
1.2	Chi không thường xuyên	507	144
2	Chi học phí	302	297
3	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	1.481	1.242
a	Chi phí tiền lương, tiền công	1.274	1.068
b	Chi phí các hoạt động khác	207	174
4	Thu hộ, chi hộ	456	298

Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở:

Công khai theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính.

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

*** *Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục***

Nơi địa bàn trường đảm nhiệm, bảo đảm 100% học sinh trong độ tuổi được đến lớp, không có trường hợp nào trẻ em nghỉ, bỏ học giữa chừng vì hoàn cảnh khó khăn. Kết hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân xã trong việc quản lý và giáo dục học sinh.

Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tuyên truyền phổ biến tới toàn thể phụ huynh thấy được sự nghiệp giáo dục là trách nhiệm của toàn dân, nên được toàn thể phụ huynh ủng hộ nhiệt tình.

*** *Công tác tư tưởng chính trị, giáo dục đạo đức trong cán bộ, giáo viên nhân viên và học sinh ngày càng được nâng cao***

Công tác tư tưởng chính trị luôn được coi trọng trong nhà trường, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng và tham gia đầy đủ các buổi học tập chính trị hàng năm do cấp trên tổ chức. Không có cán bộ giáo viên nhân viên vi phạm đạo đức nhà giáo.

*** *Công tác tự học nâng cao trình độ chuyên môn được thực hiện thường xuyên***

Nhận thức việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu chất lượng giảng dạy ngày càng cao là vấn đề cấp thiết, nhà trường đã sắp xếp thời gian cho giáo viên, nhân viên có điều kiện thuận lợi để học tập đạt chuẩn, vượt chuẩn và nâng cao trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn. Nhà trường hiện đã có 21 đồng chí giáo viên đạt trình độ đại học. Ngoài ra nhà trường cũng chú trọng đầu tư các thiết bị về công nghệ thông tin để hỗ trợ giáo viên trong việc tiếp cận phương tiện hiện đại, sử dụng vào giảng dạy, phòng tin học 45 máy phục vụ giảng dạy, tất cả các máy đều được nối mạng.

*** *Thực hiện Tốt quy chế dân chủ.***

Xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong tập thể, phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của các tổ chức và từng thành viên trong đơn vị; thực hiện tốt quy chế dân chủ; việc khen thưởng đánh giá giáo viên luôn được công khai công bằng, dân chủ, khách quan.

*** *Các hoạt động xã hội:*** Công tác từ thiện xã hội cũng được nhà trường luôn quan tâm

	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023-2024
Quỹ vì người nghèo	3.860.000	3.990.000
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	4.033.000	4.850.000
Quỹ Khuyến học	4.560.000	6.610.000
Ủng hộ quỹ thiên tai	880.000	942.000

Quỹ ủng hộ vùng sâu, vùng xa	4.505.000	4.756.000
Ủng hộ quỹ vì biển đảo	4.522.000	4.890.000
	22.360.000 đồng	26.038.000 đồng

Nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn nhà trường tặng quà Tết tới 28 học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh diện chính sách (5.600.000 đồng).

*** Công tác xây dựng đảng, đoàn thể thực hiện tốt**

- **Chi bộ Đảng:** Công tác xây dựng Đảng được thực hiện tốt. Chi bộ được đánh giá hoàn thành Xuất sắc/Tốt nhiệm vụ trong nhiều năm liền. Các đồng chí đảng viên của chi bộ có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, gương mẫu, có trách nhiệm trong công tác. Đã kết nạp 01 đảng viên, bồi dưỡng 01 quần chúng ưu tú để chuẩn bị kết nạp

- Công đoàn: Hoạt động hiệu quả, có trách nhiệm

Công đoàn tổ chức tốt các hoạt động: kỷ niệm ngày 20/10, 20/11, 8/3... Với công tác thi đua; công tác kiểm tra, đánh giá công khai, khen thưởng, phê bình kịp thời đúng người đúng thời điểm theo đúng quy trình, quy chế. Phối hợp với Ban Giám hiệu luôn chăm lo đến đời sống cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Đoàn Thanh niên - Đội thiếu niên:

100% Đoàn viên luôn là lực lượng nòng cốt, xung kích trong mọi hoạt động của nhà trường cũng như các hoạt động phong trào do cấp trên phát động. Năm học 2023 – 2024, chi đoàn giáo viên đã góp phần lớn vào việc xây dựng phòng thư viện đẹp, khang trang, đạt tiêu chuẩn, thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục. Đội viên học sinh thực hiện tốt nề nếp tác phong của học sinh trường chuẩn, luôn sẵn sàng tham gia mọi hoạt động của Đội, trường, xã, huyện.

Nhiều năm liền Chi đoàn và Đội thiếu niên được xếp loại Vững mạnh - Xuất sắc. Thực hiện tốt các phong trào thi đua và các cuộc vận động./.

Tiên Lãng, ngày 28 tháng 9 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Bình Tuyên